

KẾ HOẠCH

**Triển khai công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn và nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp, hình thành nông dân số, nông dân chuyên nghiệp; đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại
giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 24/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 10/7/2024 của Ban Bí thư về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2060/QĐ-BNNMT ngày 01/6/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Phê duyệt Kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định 1925/QĐ-UBND ngày 01/5/2026 của UBND tỉnh Gia Lai về Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn và nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp, hình thành nông dân số, nông dân chuyên nghiệp; đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm triển khai kịp thời và hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 24/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 10/7/2024 của Ban Bí thư về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn (gọi tắt là *Quyết định 326/QĐ-TTg*); Quyết định số 2060/QĐ-BNNMT ngày 01/6/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phê duyệt Kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại giai đoạn 2026-2030.

- Xác định được vai trò của nông dân tiếp tục là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi. Do vậy, công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn cần đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng kinh tế công nghiệp và dịch vụ; bảo đảm an ninh lương thực; phát triển kinh tế tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh.

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ, nâng cao nhận thức xã hội về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của đào tạo nghề cho lao động nông thôn nói chung, nghề nông nghiệp nói riêng đối với phát triển kinh tế - xã hội; hoàn thành xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, nâng cao dân trí và đời sống của người nông thôn.

- Làm cơ sở để các địa phương xác định nhiệm vụ trọng tâm, bố trí nguồn lực và tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn cho lao động nông thôn. Đồng thời nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường; xây dựng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Yêu cầu

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn phải được thực hiện kịp thời, đồng bộ, thống nhất, đáp ứng được nhiệm vụ và giải pháp về đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

- Đào tạo gắn với nhu cầu, trình độ của người dân và điều kiện thực tế, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương; bảo đảm theo định hướng phát triển phù hợp với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và định hướng kinh tế của tỉnh. Ưu tiên và tập trung đào tạo nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực nông nghiệp; các ngành nghề phục vụ phát triển nông nghiệp, đặc biệt là ứng dụng công nghệ cao, chế biến nông sản, ngành nghề truyền thống và các ngành nghề có tiềm năng tạo việc làm bền vững cho lao động nông thôn.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho lao động nông thôn tham gia học nghề nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao tay nghề, đào tạo lao động chuyên sâu trong các vùng nguyên liệu, hợp tác xã, trang trại... Giúp người lao động ứng dụng các tiến bộ khoa học vào trong quá trình sản xuất, nâng cao đời sống, tăng thu nhập và tiến tới giảm nghèo bền vững; đặc biệt là đội ngũ nông dân số, nông dân chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ban, ngành và địa phương; kịp thời chỉ đạo, đôn đốc, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện nhằm bảo đảm mục đích, yêu cầu đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng thực hành nông nghiệp giúp đội ngũ nông dân trở nên chuyên nghiệp, tạo nguồn nhân lực nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường. Trong đó tập trung đào tạo nâng cao, chuyên sâu cho lao động trong các vùng nguyên liệu, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại để hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, nông dân số, có tri thức, tay nghề cao, đáp ứng yêu cầu về xây dựng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn gắn xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu bản sắc, bền vững, gắn với đô thị hóa và thích ứng biến đổi khí hậu; đào tạo thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, lấy nông dân nông thôn làm chủ thể, đem lại chuyển biến tích cực, rõ nét hơn về chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm bền vững cho người dân.

- Gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với nhu cầu của doanh nghiệp, hợp tác xã và các mô hình kinh tế tập thể. Phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống người dân; đặc biệt là lao động ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; giúp người dân nâng cao đời sống, tăng thu nhập và giảm nghèo bền vững, bảo đảm an sinh xã hội; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh một cách ổn định và toàn diện.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn cho lao động nông thôn

- Chỉ tiêu đào tạo: giai đoạn 2026-2030 phân đầu hỗ trợ đào tạo cho khoảng 12.500 lao động nông thôn tham gia học nghề nông nghiệp¹, ngành nghề nông thôn trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng, trong đó:

- + Năm 2026: Hỗ trợ đào tạo cho khoảng 2.500 lao động nông thôn.
- + Năm 2027: Hỗ trợ đào tạo cho khoảng 3.000 lao động nông thôn.
- + Năm 2028: Hỗ trợ đào tạo cho khoảng 2.700 lao động nông thôn.
- + Năm 2029: Hỗ trợ đào tạo cho khoảng 2.300 lao động nông thôn.
- + Năm 2030: Phân đầu hỗ trợ đào tạo cho khoảng 2.000 lao động nông thôn.

- Tỷ lệ lao động nông thôn sau đào tạo có việc làm ổn định hoặc tiếp tục các công việc cũ nhưng năng suất, chất lượng tăng cao, tăng thu nhập, tối thiểu đạt 85%.

2.2. Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp để hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có tri thức,

¹ Quyết định số 2176/QĐ-UBND ngày 21/5/2026 của UBND tỉnh Gia Lai về Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình “Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh.

tay nghề cao đáp ứng yêu cầu về xây dựng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Phân đầu đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn khoảng 1.500 lao động² để hình thành đội ngũ nông dân số, nông dân chuyên nghiệp, cán bộ quản trị hợp tác xã hiện đại.

- Sau đào tạo phân đầu trên 85% học viên áp dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh.

- Phân đầu trên 70% tham gia liên kết sản xuất, chuỗi giá trị hoặc ứng dụng công nghệ số, đổi mới phương thức quản trị và tổ chức sản xuất.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi

Kế hoạch thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh, ưu tiên thực hiện tại các xã đặc biệt khó khăn; xã, thôn, làng vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã xây dựng nông thôn mới và xây dựng nông thôn mới hiện đại; các vùng nguyên liệu tập trung, sản xuất hàng hóa quy mô lớn; địa bàn triển khai chương trình, đề án, dự án trọng điểm của ngành nông nghiệp.

2. Đối tượng

- Người lao động ở khu vực nông thôn là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên có khả năng lao động và có nhu cầu học nghề, làm việc; người lao động đang sinh sống, làm việc tại các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh. Ưu tiên đào tạo nghề cho các đối tượng là người khuyết tật; người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo); lao động tại vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo; người lao động có thu nhập thấp; người thuộc gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp; người sau cai nghiện ma túy; người chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương tái hòa nhập cộng đồng; người làm nghề khai thác thủy sản có nhu cầu chuyển đổi nghề³.

- Người lao động có nhu cầu nâng cao kỹ năng trong lĩnh vực nông nghiệp, ngành nghề nông thôn; lao động trong vùng nguyên liệu, chương trình, đề án, dự án trọng điểm của ngành nông nghiệp; các hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp và ngành nghề nông thôn. Thành viên hội đồng quản trị, giám đốc, cán bộ quản lý, điều hành hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp.

- Nhà giáo, người dạy nghề cho lao động nông thôn, cán bộ quản lý trong các cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn; nghệ nhân, nông dân sản xuất,

² Quyết định số 2060/QĐ-BNNMT ngày 01/6/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Phê duyệt Kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại giai đoạn 2026-2030

³ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai Quy định chính sách hỗ trợ, chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động, không đủ điều kiện khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án chuyển đổi một số nghề khai thác hải sản và đào tạo nghề cho lao động ngư nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

kinh doanh giỏi, cán bộ khuyến nông, khuyến nông cộng đồng, chuyên gia, cán bộ kỹ thuật; cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

- Cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn và các cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp.

IV. NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO

1. Đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn cho lao động nông thôn

- Nghề nông nghiệp theo lĩnh vực, ngành hàng, vùng sinh thái và sản phẩm chủ lực của địa phương, ưu tiên các nghề thuộc trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, dược liệu, diêm nghiệp có thế mạnh ở địa phương; các nghề sơ chế, bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản... Trong đó, tập trung đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo danh mục nghề đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt⁴.

- Nghề gắn với kỹ năng tổ chức sản xuất, sử dụng vật tư, thiết bị, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả; kỹ năng tổ chức sản xuất bảo đảm an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

- Nghề sản xuất nông nghiệp theo các quy trình tiên tiến, hiện đại, bền vững, thực hành sản xuất nông nghiệp xanh, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Các nghề ứng dụng cơ giới hóa, logistics, công nghệ phù hợp phục vụ sản xuất, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và chuỗi giá trị.

- Ngành nghề nông thôn, thủ công mỹ nghệ, nghề gắn với bảo tồn và phát triển làng nghề, chế biến nông sản, dịch vụ nông nghiệp, du lịch nông thôn, sản phẩm OCOP và sinh kế bền vững.

- Các nghề khác phù hợp với định hướng phát triển và nhu cầu sản xuất nông nghiệp của địa phương.

2. Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp, nông dân số, nông dân chuyên nghiệp

2.1. Thời gian đào tạo

Không dưới 5 ngày/khóa, có ít nhất 1 buổi thực hành hoặc khảo sát thực tế.

2.2. Nội dung đào tạo

a) Nhóm mô-đun cốt lõi (áp dụng chung)

⁴ Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 07/4/2026 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt danh mục nghề đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh và các Quyết định khác do UBND tỉnh ban hành (nếu có).

- Mô-đun 1: Kỹ năng sử dụng các thiết bị số, ứng dụng công nghệ trong nông nghiệp cơ bản; ghi chép nhật ký điện tử trong sản xuất.

- Mô-đun 2: Tiêu chuẩn chất lượng và sản xuất nông nghiệp bền vững: Kiến thức, kỹ năng về tiêu chuẩn, quy chuẩn, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc; thực hành sản xuất nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, giảm phát thải và thích ứng biến đổi khí hậu.

- Mô-đun 3: Chế biến, cơ giới hóa và nông nghiệp thông minh: Kiến thức, kỹ năng ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa, thiết bị thông minh, nông nghiệp chính xác, công nghệ sau thu hoạch, bảo quản, chế biến và logistics phục vụ sản xuất nông nghiệp hiện đại.

- Mô-đun 4: Quản lý sản xuất, kinh doanh và tiếp cận thị trường: Kỹ năng lập kế hoạch sản xuất, quản lý tài chính, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị; thương mại điện tử, thanh toán số, kết nối thị trường và tiếp cận dịch vụ tài chính.

- Mô-đun 5: Quản trị hợp tác xã và liên kết sản xuất: Nâng cao năng lực quản trị hợp tác xã theo hướng hiện đại, minh bạch, hiệu quả; tổ chức sản xuất gắn với vùng nguyên liệu, liên kết chuỗi giá trị, chuyển đổi số và quản trị rủi ro.

- Mô-đun 6: Quản lý rủi ro và kỹ năng thích ứng: Kiến thức, kỹ năng ứng phó với thiên tai, dịch bệnh, biến động thị trường; an toàn lao động, bảo hiểm nông nghiệp và nâng cao khả năng thích ứng trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

b) Nhóm mô-đun đặc thù theo vùng, ngành hàng và nhu cầu địa phương

- Mô-đun 7: Nội dung đào tạo đặc thù: Tổ chức đào tạo theo đặc điểm vùng miền, ngành hàng và nhu cầu thực tế của địa phương như phát triển thương hiệu, văn hóa gắn với nghề, sản phẩm OCOP, du lịch nông thôn, sinh vật cảnh, dược liệu, ngành nghề nông thôn, kinh tế tuần hoàn... hoặc các nội dung khác.

* Căn cứ nhu cầu thực tiễn, cơ sở đào tạo lựa chọn tối thiểu 03 mô-đun, trong đó ưu tiên các mô-đun cốt lõi; đồng thời linh hoạt bổ sung nội dung đặc thù phù hợp với từng nhóm đối tượng, ngành hàng và địa phương.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và xã hội về vai trò của đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền tập trung vào các địa phương vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa nhằm nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

- Khẳng định vai trò của đào tạo nghề cho lao động nông thôn là động lực then chốt để chuyển dịch lao động, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Tổ chức đa dạng các hình thức tuyên truyền phù hợp với từng nhóm đối tượng, đặc biệt hướng tới thanh niên trong độ tuổi lao động, nhằm giúp họ hiểu rõ lợi ích của việc học nghề, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, các nền tảng số và phương tiện truyền thông đại chúng nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền; đồng thời giới thiệu, nhân rộng các mô hình đào tạo nghề hiệu quả, các gương điển hình sau học nghề.

2. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, công tác phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành và địa phương

- Cần tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong công tác triển khai thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn cho lao động nông thôn nhằm tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ và tạo động lực để chuyển đổi cơ cấu lao động, cơ cấu ngành nghề theo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Triển khai đồng bộ, thiết thực, hiệu quả công tác đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn cho lao động nông thôn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho ngành nông nghiệp, nhất là gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia⁵. Đào tạo cần đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; bảo đảm an ninh lương thực; hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh.

3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, bảo đảm nguồn lực nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo nghề cho ngành nông nghiệp

- Rà soát, nghiên cứu và hoàn thiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và tạo việc làm cho lao động nông thôn, nhất là ưu tiên hỗ trợ đào tạo nghề cho người có công cách mạng, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số và các lao động khác tại các vùng đặc biệt khó khăn; đào tạo theo hướng linh hoạt, phù hợp với nhu cầu và điều kiện của địa phương.

- Tập trung đào tạo nghề theo vị trí làm việc trong doanh nghiệp, các khu công nghiệp, làng nghề, thu hút doanh nghiệp đầu tư về nông thôn, nông nghiệp; đào tạo nghề phát triển hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa, gắn với thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Trong đó tập trung đào tạo nghề, tạo việc làm cho lao động nông thôn, vùng dân tộc thiểu số và các đối tượng được ưu tiên thực hiện giảm nghèo bền vững.

- Thực hiện cơ chế hỗ trợ linh hoạt để các nghệ nhân, nhà khoa học, người sản xuất, kinh doanh giỏi tham gia truyền nghề và giảng dạy tại các cơ sở đào tạo.

4. Đổi mới phương thức, chương trình và nền tảng đào tạo, lựa chọn đối tượng ưu tiên đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn

⁵ Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 01/5/2026 của UBND tỉnh Gia Lai về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Cần kết hợp giữa công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn và công tác triển khai, xây dựng các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, tạo điều kiện để người dân sau khi tham gia khóa học nghề nông nghiệp, được nâng cao kiến thức trong sản xuất nông nghiệp sẽ có cơ hội tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, phát huy kiến thức đã học áp dụng vào thực tế sản xuất, nâng cao năng suất, tăng thu nhập, từng bước thoát nghèo.

- Rà soát, xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp, ưu tiên các ngành nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn, ứng dụng công nghệ cao, chế biến nông sản, dịch vụ, du lịch... phù hợp với yêu cầu thực tiễn đặc biệt là ngành nghề có nhu cầu sử dụng lao động lớn tại địa phương.

- Chuẩn hóa chương trình, giáo trình các nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn và tài liệu đào tạo, bồi dưỡng theo hướng linh hoạt, thực tiễn, dựa trên năng lực và gắn với ngành hàng, vùng nguyên liệu và nhu cầu của địa phương.

- Thiết lập cơ sở dữ liệu chung về đào tạo nghề nông nghiệp, dự báo nhu cầu để phục vụ công tác quản lý và định hướng đào tạo. Phát triển kho học liệu số, bài giảng điện tử, lớp học số, tủ sách điện tử giúp người lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã... tiếp cận kiến thức linh hoạt, mọi lúc, mọi nơi và cập nhật kỹ thuật, công nghệ mới.

- Bảo đảm chất lượng đào tạo, từng bước chuẩn hóa quy trình sản xuất, bảo đảm an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, đồng thời tích hợp kỹ năng tổ chức sản xuất, tiêu thụ; từng bước liên kết với vùng nguyên liệu, dự án, đề án trọng điểm.

- Ưu tiên đào tạo nghề cho người thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người có đất bị thu hồi, ngư dân, người lao động ở xã đặc biệt khó khăn, lao động bị mất việc làm, đối tượng tái hòa nhập cộng đồng và các đối tượng lao động nông thôn khác theo quy định. Người lao động có nhu cầu nâng cao kỹ năng trong lĩnh vực nông nghiệp, ngành nghề nông thôn; lao động trong vùng nguyên liệu, chương trình, đề án, dự án trọng điểm của ngành nông nghiệp; các hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp và ngành nghề nông thôn. Thành viên hội đồng quản trị, giám đốc, cán bộ quản lý, điều hành hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp.

5. Tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo - hợp tác xã - doanh nghiệp - cơ sở sản xuất trong tổ chức đào tạo và giải quyết việc làm

- Đẩy mạnh liên kết giữa cơ sở đào tạo - hợp tác xã - doanh nghiệp - cơ sở sản xuất, trong xây dựng chương trình đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, đào tạo theo nhu cầu thực tiễn, theo đơn đặt hàng, gắn đào tạo với thực hành, tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị nhằm giúp người dân ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế và vươn lên làm giàu.

- Thiết lập cơ chế để doanh nghiệp tham gia trực tiếp và xuyên suốt vào quá trình đào tạo; từ khảo sát nhu cầu, chương trình, giáo trình dạy học đến giảng dạy và đánh giá năng lực của học viên.

- Ưu tiên các chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp tổ chức đào tạo nghề tại chỗ, đào tạo trực tiếp tại khu sản xuất để rút ngắn khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn.

- Thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo theo nhu cầu thực tế và kết quả đầu ra; ưu tiên các vùng nguyên liệu, ngành hàng chủ lực, chương trình, đề án, dự án trọng điểm; bảo đảm đào tạo đúng đối tượng, đúng nhu cầu và hiệu quả.

- Thực hiện xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp cũng như công tác đào tạo nghề ở khu vực nông thôn để huy động sự tham gia của toàn xã hội trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo nghề nhất là nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn.

6. Kiểm tra, giám sát, đánh giá và nhân rộng mô hình

- Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch theo từng năm và giai đoạn, tập trung vào quy mô, chất lượng đào tạo, mức độ áp dụng vào thực tiễn sản xuất kinh doanh, hiệu quả việc làm, liên kết chuỗi giá trị và năng lực quản trị sau đào tạo.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất việc triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn toàn tỉnh; kịp thời rà soát, điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương thức đào tạo phù hợp với thực tiễn; tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Thực hiện chế độ sơ kết, tổng kết hằng năm để đánh giá, rút kinh nghiệm, nhân rộng mô hình đào tạo hiệu quả; mô hình liên kết giữa cơ sở đào tạo - hợp tác xã - doanh nghiệp - người dân và giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: 2026-2030.

- Ngân sách địa phương.

- Huy động và lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị liên quan và địa phương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; đồng thời hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện công tác đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn cho lao động nông thôn và đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành

nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, đề án khác có liên quan trên địa bàn.

- Hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn cho lao động nông thôn và đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế, tình hình kinh tế - xã hội của địa phương; bảo đảm theo định hướng phát triển phù hợp với cơ cấu lại ngành nông nghiệp. Ưu tiên và tập trung đào tạo các ngành nghề phục vụ phát triển nông nghiệp, đặc biệt là ứng dụng công nghệ cao, chế biến nông sản, ngành nghề truyền thống và các ngành nghề có tiềm năng tạo việc làm bền vững cho lao động nông thôn.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị và địa phương rà soát, bổ sung danh mục nghề nông nghiệp mới cho lao động nông thôn và chương trình tài liệu đào tạo. Phối hợp, hỗ trợ xây dựng các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo cho lao động nông thôn, mô hình liên kết sản xuất; thực hiện chính sách hỗ trợ ngư dân có nhu cầu chuyển đổi nghề.

- Chủ trì theo dõi, kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh. Tổng hợp kết quả đào tạo nghề nông nghiệp trên địa bàn báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các đơn vị có tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn xây dựng kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn cho lao động nông thôn phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác đào tạo.

- Củng cố, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp tại các địa phương; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan tổ chức rà soát, bổ sung cập nhật danh mục nghề, ngành nghề đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và nhu cầu của thị trường lao động. Tham mưu UBND tỉnh ban hành định mức chi phí hỗ trợ đào tạo nghề và định mức kinh tế - kỹ thuật trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin thị trường lao động; cung cấp thông tin về nhu cầu sử dụng lao động

của doanh nghiệp, xu hướng phát triển của thị trường lao động nhằm phục vụ công tác định hướng đào tạo nghề.

- Tổ chức các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối cung - cầu lao động; hỗ trợ người lao động sau đào tạo nghề tiếp cận cơ hội việc làm phù hợp, nhất là người lao động thuộc đối tượng khuyết tật, hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng yếu thế khác trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành, địa phương liên quan triển khai các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với thực hiện các chương trình, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh.

- Tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học nghề, khuyến khích và nhân rộng mô hình đào tạo nghề phù hợp cho người dân tộc thiểu số nhằm nâng cao kỹ năng nghề, góp phần tạo việc làm, cải thiện sinh kế và nâng cao thu nhập.

5. Các sở, ngành có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Kế hoạch này.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp, ngành nghề nông thôn cho lao động nông thôn trên địa bàn phù hợp với nhu cầu học nghề và tình hình thực tế, gắn với các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường khảo sát, thống kê, lập danh sách các hộ nông dân sản xuất giỏi, nghệ nhân, giám đốc hợp tác xã, cán bộ quản lý điều hành hợp tác xã... để đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực, chất lượng lao động ngành nông nghiệp, hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp, đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại.

- Tổ chức rà soát, khảo sát nhu cầu học nghề của người lao động và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp để đề xuất và đặt hàng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả sau đào tạo; tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia học nghề, nâng cao tay nghề và ổn định cuộc sống. Đồng thời đề xuất mở rộng danh mục nghề, ngành nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tế của địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn. Đồng thời tổng hợp kết quả đào tạo nghề nông nghiệp báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, tổng hợp theo quy định.

7. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo; đổi mới phương pháp giảng dạy; tổ chức các hình thức đào tạo linh hoạt, phù hợp điều kiện thực tế nhằm nâng cao năng lực tay nghề cho người học và chất lượng đào tạo.

- Tổ chức tuyển sinh và đào tạo nghề bảo đảm theo đơn đặt hàng đã được phê duyệt. Thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo quy định; tăng cường công tác quản lý, hỗ trợ học tập, giảm tỷ lệ bỏ học, nâng cao tỷ lệ hoàn thành khóa học và có việc làm sau đào tạo.

- Chủ động rà soát, xây dựng và chuẩn hóa chương trình, giáo trình, học liệu các nghề nông nghiệp phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế nông nghiệp, nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ, sản xuất theo chuỗi an toàn,... Đào tạo, bồi dưỡng theo hướng linh hoạt, thực tiễn, dựa trên năng lực gắn với ngành hàng, vùng nguyên liệu và nhu cầu địa phương.

- Tổng hợp kết quả đào tạo nghề nông nghiệp báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, tổng hợp theo quy định.

VIII. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/6), hằng năm (trước ngày 15/12) báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường khi có yêu cầu.

Trên đây là Kế hoạch triển khai công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn và nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp, hình thành nông dân số, nông dân chuyên nghiệp; đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Các cơ sở GDNN;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, N2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đương Mah Tiệp